

THÔNG BÁO
Xét tuyển bổ sung vào đại học chính quy năm 2023

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo đến thí sinh về xét tuyển bổ sung vào đại học chính quy năm 2023, cụ thể như sau:

1. Phương thức tuyển sinh:

Phương thức	Tên phương thức	Chỉ tiêu
Phương thức 1	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	80%
Phương thức 2	Xét học bạ - Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn	20%

2. Các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, điểm chuẩn nhận hồ sơ và số lượng nguyện vọng ĐKXT: (Xem phụ lục 1).

3. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (Thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học không được xét tuyển bổ sung)

4. Nguyên tắc xét tuyển: Kết thúc thời gian nhận hồ sơ ĐKXT, căn cứ vào số lượng hồ sơ, chỉ tiêu của từng ngành, Nhà trường sẽ tiến hành xét tuyển. Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.

5. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày có thông báo cho đến 17h00 ngày 14/9/2023.

6. Thời gian công bố kết quả: Ngày 15/9/2023

7. Hình thức nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển: (Xem phụ lục 2).

8. Thời gian nhập học: Từ ngày 16/9/2023 đến 17/09/2023 (Trường sẽ hướng dẫn thủ tục nhập học qua email)

9. Các khoản thu nhập học (Học phí, lệ phí, BHYT bắt buộc) (Xem phụ lục 3).

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** tuyensinh@tdmu.edu.vn

Fanpage: www.facebook.com/dhtdm2009 - **Hotline:** 19009171

Nơi nhận:

- HT; PHT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH


TS. Nguyễn Quốc Cường

Phụ lục 1

Các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, điểm chuẩn nhận hồ sơ vào các ngành và số lượng nguyện vọng ĐKXT.

(Kèm theo Thông báo số: **86** /TB-ĐHTDM-HĐTSDH ngày **06** tháng **9** năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Các ngành, tổ hợp, chỉ tiêu và mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu (dự kiến)	Điểm chuẩn nhận hồ sơ xét điểm THPT	Điểm chuẩn nhận hồ sơ xét Học bạ
1	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	59	16	21.5
2	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	5	16	23.5
3	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	11	15.5	21.6
4	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	7	16	24.2
5	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	60	16	22.2
6	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	50	16	23
7	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	20	16	23.2
8	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08	15	15.5	24.5
9	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	27	15.5	24.4
10	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	52	17	24.5
11	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	7	18	26.5
12	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	18	18.5	24.4
13	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	10	15.5	22.7
14	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	10	17.25	25
15	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	13	22.25	26
16	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	10	19	Không xét

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh

Mã	Tên môn tổ hợp
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên

C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lí, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu

Ghi chú: Đối với phương thức xét học bạ không áp dụng xét các tổ hợp sau: **A16** (Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên) và **D90** (Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên), **D78** (Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội), **C15** (Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội)

2. Đối với các tổ hợp có môn năng khiếu

Nhà trường không tổ chức thi năng khiếu cho đợt xét bổ sung, thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức ngày 08/07/2023 hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu các Trường Đại học khác phù hợp với môn năng khiếu của Trường đại học Thủ Dầu Một quy định.

3. Số lượng nguyện vọng ĐKXT: Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký 01 nguyện vọng và 01 phương thức xét tuyển.

4. Điểm ưu tiên của từng phương thức tuyển sinh: Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Có 2 loại điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT là điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng.

ĐIỂM ĐƯỢC CỘNG CHO PHƯƠNG THỨC	ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
	KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
Xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT	0,75	0,5	0,25	0	2	1
Xét học bạ	0,75	0,5	0,25	0	2	1

5. Quy định của Bộ GD&ĐT về hưởng chính sách ưu tiên

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại mục 4, chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.
- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định mục 4}$$

6. Tra cứu khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên

+ Tra cứu tại:

<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/2850>

+ Hoặc quét mã QR để tra cứu



Phụ lục 2

Hình thức nộp hồ sơ và hướng dẫn nộp lệ phí xét tuyển

(Kèm theo Thông báo số: 86 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH ngày 06 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Hồ sơ ĐKXT:

Stt	Tên phương thức	Hồ sơ ĐKXT bao gồm
1	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	1. Phiếu đăng ký xét tuyển: (Theo mẫu của Trường đại học Thủ Dầu Một) 2. Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: 01 bản photocopy (không cần công chứng)
2	Xét học bạ - Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn	1. Phiếu đăng ký xét tuyển: (Theo mẫu của Trường đại học Thủ Dầu Một) 2. Học bạ THPT: 01 bản photocopy (đầy đủ các trang, không cần công chứng) 3. Bảng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời: 01 bản photocopy (không cần công chứng)

2. Hình thức nộp hồ sơ ĐKXT: Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 hình thức sau

Stt	Hình thức nộp hồ sơ	Nơi nhận hồ sơ
1	Nộp trực tiếp	Trung tâm Tuyển sinh, Đại học Thủ Dầu Một (cổng số 3, đường Trần Văn Ôn)
2	Nộp qua đường bưu điện	Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và bỏ hồ sơ ĐKXT vào 1 bì thư gửi về địa chỉ: + Người nhận: Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một. + Địa chỉ: Số 6, đường Trần Văn Ôn, p. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương + Điện thoại: 0274.3835.677

3. Nộp lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/1 nguyện vọng
- Thí sinh nộp lệ phí bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Trường:
- + Số tài khoản: 65010000465078 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Dương
- + Tên chủ tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- + Nội dung nộp tiền: TS2023 [CCCD của thí sinh] (Vd: TS2023 28123456)

Lưu ý: Thời gian nộp lệ phí xét tuyển: Sau khi hoàn thành đăng ký, thí sinh phải nộp lệ phí thi nguyện vọng ĐKXT mới được xem là hợp lệ.

Phụ lục 3

Các khoản thu nhập học

(Kèm theo Thông báo số: 86 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày 06 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Các khoản thu nhập học

- + Học phí học kỳ 1 năm học 2023 – 2024;
- + Bảo hiểm Y tế bắt buộc 03 tháng (01/10/2023 đến 31/12/2023);
- + Lệ phí nhập học.

2. Chi tiết các khoản thu theo từng ngành

Stt	Tên ngành	Số tín chỉ học kỳ 1 năm học 2023 – 2024	Mức thu (Đồng/tín chỉ)	Học phí học kỳ 1 năm học 2023 – 2024	Lệ phí nhập học	Bảo hiểm Y tế bắt buộc 03 tháng (từ 01/10/2023-31/12/2023)	Tổng số tiền phải nộp
1	Kiểm toán	10	625.000	6.250.000	75.000	170.100	6.495.100
2	Kỹ thuật Phần mềm	9	725.000	6.525.000	75.000	170.100	6.770.100
3	Kỹ thuật Điện	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
4	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
5	Kỹ thuật Cơ điện tử	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
6	Kỹ thuật Xây dựng	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
7	Kiến trúc	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
8	Du lịch	10	600.000	6.000.000	75.000	170.100	6.245.100
9	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	10	600.000	6.000.000	75.000	170.100	6.245.100
10	Công nghệ Sinh học	9	675.000	6.075.000	75.000	170.100	6.320.100
11	Công tác Xã hội	10	600.000	6.000.000	75.000	170.100	6.245.100
12	Tâm lý học	11	600.000	6.600.000	75.000	170.100	6.845.100
13	Hóa học	10	675.000	6.750.000	75.000	170.100	6.995.100
14	Công nghệ thực phẩm	10	725.000	7.250.000	75.000	170.100	7.495.100
15	Quản lý đất đai	11	600.000	6.600.000	75.000	170.100	6.845.100
16	Giáo dục Mầm non	10	-	-	75.000	170.100	245.100

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2023
(DÀNH CHO ĐỢT XÉT BỔ SUNG)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới tính.....

2. Ngày, tháng và năm sinh (Nếu ngày và tháng nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 đầu ô)

3. a) Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố)..... Mã tỉnh (Tp)..... b) Dân tộc.....

4. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (ghi mỗi số vào một ô)

5. Hộ khẩu thường trú: Mã tỉnh (Tp) Mã huyện (quận) Mã xã (phường) Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng ô sau

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi rõ tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh (thành phố) và ghi rõ mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10..... Mã tỉnh (Tp) Mã Trường
Năm lớp 11.....
Năm lớp 12.....

7. SỐ BÁO DANH THI THPT 2023

8. a) Năm tốt nghiệp THPT..... b) Học lực năm lớp 12..... c) Hạnh kiểm năm lớp 12.....

9. Đối tượng ưu tiên: (Khoanh tròn) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 9. Khu vực ưu tiên: (Khoanh tròn) KV1, KV2-NT, KV2, KV3

10. Điện thoại di động:..... Email.....

11. Địa chỉ liên hệ:.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (chỉ đăng ký 01 nguyện vọng của 01 phương thức tuyển sinh)

Phương thức xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Tên môn tổ hợp và điểm từng môn
Xét điểm thi THPT 2023				Tên môn 1.....Điểm..... Tên môn 2.....Điểm..... Tên môn 3.....Điểm..... Tổng điểm (Không tính điểm ưu tiên)
Xét học bạ (điểm cả năm lớp 12)				Tên môn 1.....Điểm..... Tên môn 2.....Điểm..... Tên môn 3.....Điểm..... Tổng điểm (Không tính điểm ưu tiên)
Xét điểm ĐGNL			NI1	Tổng điểm thi (Không tính điểm ưu tiên)

C. Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKXT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

.....Ngày.....tháng.....năm 2023
CHỮ KÝ CỦA THÍ SINH